

QUỐC HỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Luật số: .../20.../QH...

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

ĐỀ CƯƠNG

**LUẬT**  
**DI SẢN VĂN HÓA (SỬA ĐỔI)**

*Sửa thành căn cứ vào Hiến pháp năm 2013*

**Chương I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Gộp Điều 1, Điều 2 thành 1 Điều

2. Sửa nội dung Khoản 1:

- Bổ sung “*di sản tư liệu*” vào là 01 thành phần của di sản văn hóa, bao gồm di sản văn hóa vật thể, di sản văn hóa phi vật thể và di sản tư liệu.

- Sửa để định nghĩa bao hàm được các giá trị của các loại hình di sản và chủ thể có quyền xác định/công nhận giá trị đó; thể hiện sự trao truyền có chọn lọc.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Tách thành 2 khoản: Khoản 1 quy định đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam; Khoản 2 quy định đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam.

2. Sửa nội dung về các điều ước quốc tế

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. Sửa khái niệm về “*Di sản văn hóa phi vật thể*” tại khoản 1 theo hướng:

- Khích lệ sự tôn trọng đối với sự đa dạng văn hóa và tính sáng tạo của con người; yêu cầu sự tôn trọng lẫn nhau giữa các cộng đồng, các nhóm người và cá nhân, và về phát triển bền vững.

- Sửa đoạn “có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học” bằng “có giá trị văn hóa, khoa học, được trao truyền từ đời này qua đời khác”.

- Bổ sung thuật ngữ: Cộng đồng; Nghệ nhân; Chủ thể văn hoá; Người thực hành; Thực hành; Kiểm kê; Không gian văn hoá liên quan; Danh mục kiểm kê DSVHPVT.

2. Bổ sung khái niệm: "*Di sản tư liệu*"

3. Bổ sung khái niệm: "*Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới*"

4. Bổ sung khái niệm: "*Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa*"

5. Bổ sung khái niệm: "*Sửa chữa nhỏ di tích*"

6. Bổ sung nội dung "giáo dục" trong phần giải thích từ ngữ về "*Bảo tàng*"

7. Bổ sung khoản mới giải thích từ ngữ "*Bảo tàng số*"

8. Bổ sung khái niệm:

- "*Địa điểm có ý nghĩa văn hóa*"

- "*Sử dụng thích hợp*"

- "*Bảo vệ và quản lý địa điểm có ý nghĩa văn hoá*"

#### **Điều 4. Quy định về quyền sở hữu di sản văn hóa**

Gộp Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8

#### **Điều 5. Chính sách bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa**

1. Chính sách ưu đãi trong hoạt động bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh

2. Chính sách của Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động nghiên cứu, sưu tầm, xử lý biên mục, bảo quản, lưu giữ và phát huy giá trị di sản tư liệu của cộng đồng các dân tộc Việt Nam để lưu truyền trong nước và giao lưu văn hóa với nước ngoài

3. Chính sách của Nhà nước về bản quyền và sở hữu trí tuệ về các di sản tư liệu đã được kiểm kê và ghi danh

4. Chính sách khai thác và quảng bá thông tin về di sản tư liệu theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 6. Trách nhiệm bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa**

Gộp Điều 10, Điều 11

#### **Điều 7. Phát huy giá trị di sản văn hóa Việt Nam**

Sửa "Bảo vệ và phát huy giá trị DSVHVN nhằm mục đích:..." và sửa kết cấu, nội dung 3 khoản trong Điều này

#### **Điều 8. Các hành vi nghiêm cấm**

- Khoản 1: Sửa cụm từ ”di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh” thành cụm từ ”di sản văn hóa”

- Khoản 4 sửa như sau: Mua bán, trao đổi, vận chuyển trái phép di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia có nguồn gốc bất hợp pháp; đưa trái phép di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, **di sản tư liệu đã được ghi danh** ra nước ngoài;

- Bổ sung quy định cấm đối với hành vi vi phạm các tập tục và can thiệp vào di sản văn hoá phi vật thể của cộng đồng

## Chương II

### QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỐI VỚI DI SẢN VĂN HÓA

#### Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đối với di sản văn hóa

- Khoản 4 sửa như sau: 4. Thông báo kịp thời địa điểm phát hiện di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, **di sản tư liệu**, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; giao nộp di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, **di sản tư liệu** do mình tìm được cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền nơi gần nhất;

- Sửa khoản 5. Ngăn chặn hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ngăn chặn, xử lý kịp thời những hành vi phá hoại, chiếm đoạt, sử dụng trái phép di sản văn hóa **vật thể**.

- Bổ sung khoản 6. Thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để có biện pháp phù hợp nhằm ngăn chặn những hành vi, thực hành có nguy cơ hủy hoại di sản văn hóa phi vật thể.

#### Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân chủ sở hữu di sản văn hóa

- Khoản 3 sửa như sau: 3. Gửi di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, **di sản tư liệu** vào bảo tàng nhà nước, **thư viện, trung tâm lưu trữ** hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp không đủ điều kiện và khả năng bảo vệ và phát huy giá trị.

- Khoản 4 sửa như sau: 4. Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tham quan, du lịch, **quyền được tiếp cận**, nghiên cứu di sản văn hóa.

#### Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân quản lý trực tiếp di sản văn hóa

Khoản 4 sửa như sau: 4. Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tham quan, du lịch nghiên cứu di sản văn hóa.

### **Chương III**

## **BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ**

### **Điều 12. Các loại hình di sản văn hóa phi vật thể**

Di sản văn hóa phi vật thể quy định tại Luật này bao gồm:

1. Tiếng nói, chữ viết;
2. Ngữ văn dân gian;
3. Nghệ thuật trình diễn dân gian;
4. Tập quán xã hội và tín ngưỡng;
5. Lễ hội truyền thống;
6. Nghề thủ công truyền thống;
7. Tri thức dân gian.

### **Điều 13. Các biện pháp bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể**

Nhà nước bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể thông qua các biện pháp sau đây:

1. Tổ chức nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê, phân loại di sản văn hóa phi vật thể.
2. Tổ chức truyền dạy, phổ biến, xuất bản, trình diễn và phục dựng các loại hình di sản văn hóa phi vật thể.
3. Khuyến khích và tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân nghiên cứu, sưu tầm, lưu giữ, truyền dạy và giới thiệu di sản văn hóa phi vật thể, **các hoạt động bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể gắn với phát triển bền vững.**
4. Hướng dẫn nghiệp vụ bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân nắm giữ di sản văn hóa phi vật thể.
5. Đầu tư kinh phí cho hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể, bảo vệ, phục hồi không gian văn hoá, không gian thực hành di sản văn hóa phi vật thể, ngăn ngừa nguy cơ làm mai một, thất truyền di sản văn hóa phi vật thể.

### **Điều 14. Kiểm kê và Danh mục quốc gia di sản văn hóa phi vật thể**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) tổ chức kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể ở địa phương và lựa chọn, lập hồ sơ khoa học để đề nghị Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục quốc gia di sản văn hóa phi vật thể và thực hiện chế độ báo cáo kiểm kê hàng năm.

2. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định công bố Danh mục quốc gia di sản văn hóa phi vật thể và cấp Giấy chứng nhận di sản văn hóa phi vật thể được đưa vào Danh mục quốc gia di sản văn hóa phi vật thể.

3. Trong trường hợp di sản văn hóa phi vật thể đã được đưa vào Danh mục quốc gia di sản văn hóa phi vật thể mà sau đó có cơ sở xác định không đủ tiêu chuẩn thì Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định đưa ra khỏi Danh mục quốc gia di sản văn hóa phi vật thể.

4. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết khoản 1, 2 và khoản 3 Điều này.

#### **Điều 15. Thủ tục trình hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể vào các Danh sách của UNESCO**

1. Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định việc đề nghị Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) ghi danh di sản văn hóa phi vật thể của Việt Nam vào các danh sách của UNESCO, theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ phải có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Hội đồng di sản văn hóa quốc gia.

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có biện pháp xử lý đối với các trường hợp di sản văn hóa phi vật thể Việt Nam sau khi được đưa vào các danh sách của UNESCO không thực hiện đúng Chương trình hành động bảo vệ di sản đã cam kết với UNESCO.

#### **Điều 16. Trách nhiệm bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể**

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể, ngăn chặn nguy cơ làm sai lệch, bị mai một hoặc thất truyền.

2. Di sản văn hóa phi vật thể sau khi được đưa vào Danh mục quốc gia di sản văn hóa phi vật thể và các Danh sách của UNESCO phải xây dựng kế hoạch, đề án bảo vệ và phát huy giá trị và có chế độ báo cáo định kỳ mỗi hai năm.

3. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết khoản 1 và khoản 2 Điều này.

**Điều 17. Biện pháp bảo vệ và phát triển tiếng nói chữ viết của các dân tộc Việt Nam**

**Điều 18. Biện pháp bảo vệ và phát huy tập quán xã hội và tín ngưỡng**

1. Nhà nước và xã hội bảo vệ, phát huy những thuần phong mỹ tục trong lối sống, nếp sống của dân tộc; bài trừ những hủ tục có hại đến đời sống văn hóa của nhân dân.

2. Bổ sung quy định cụ thể liên quan đến loại hình Tập quán xã hội và tín ngưỡng.

**Điều 19. Biện pháp bảo vệ và phát huy ngữ văn dân gian**

- Đề nghị tách thành 2 Điều quy định cụ thể về loại hình Ngữ văn dân gian và Nghệ thuật trình diễn dân gian

- Nhà nước có chính sách khuyến khích việc sưu tầm, biên soạn, dịch thuật, thống kê, phân loại và lưu giữ các tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học, ngữ văn truyền miệng.

**Điều 20. Biện pháp bảo vệ và phát huy nghệ thuật trình diễn dân gian**

Nhà nước có chính sách khuyến khích việc sưu tầm, truyền dạy và thực hành các loại hình Nghệ thuật trình diễn dân gian của cộng đồng các dân tộc Việt Nam để lưu truyền trong nước và giao lưu văn hóa với nước ngoài.

**Điều 21. Biện pháp bảo vệ và phát huy nghề thủ công truyền thống**

- Tách thành 2 Điều quy định cụ thể về loại hình Nghề thủ công truyền thống và Tri thức dân gian

- Nhà nước có chính sách khuyến khích việc duy trì, phục hồi và phát triển các nghề thủ công truyền thống có giá trị tiêu biểu;

- Nhà nước có chính sách hỗ trợ thiết kế sản phẩm và

**Điều 22. Biện pháp bảo vệ và phát huy tri thức dân gian**

Nhà nước có chính sách khuyến khích nghiên cứu và ứng dụng những tri thức về y, dược học cổ truyền; duy trì và phát huy giá trị văn hóa ẩm thực, giá trị về trang phục truyền thống dân tộc và các tri thức dân gian khác.

**Điều 23. Biện pháp bảo vệ và phát huy lễ hội truyền thống**

Nhà nước tạo điều kiện duy trì và phát huy giá trị văn hóa của lễ hội truyền thống thông qua các biện pháp sau đây:

1. Tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức lễ hội truyền thống.
2. Khuyến khích việc tổ chức hoạt động văn hóa, văn nghệ dân gian truyền thống gắn với lễ hội truyền thống.
3. Phục dựng có chọn lọc nghi thức lễ hội truyền thống.
4. Khuyến khích việc hướng dẫn, phổ biến rộng rãi ở trong nước và nước ngoài về nguồn gốc, nội dung giá trị di sản văn hóa phi vật thể lễ hội truyền thống.

#### **Điều 24. Chính sách tôn vinh và đãi ngộ nghệ nhân**

1. Nhà nước tôn vinh và có chính sách đãi ngộ đối với nghệ nhân có tài năng xuất sắc, nắm giữ và có công bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể thông qua các biện pháp sau đây:

- a) Tặng, truy tặng Huân chương, danh hiệu vinh dự nhà nước và thực hiện các hình thức tôn vinh khác;
- b) Tạo điều kiện và hỗ trợ kinh phí cho hoạt động sáng tạo, thực hành, truyền dạy, trình diễn, trưng bày, giới thiệu sản phẩm của nghệ nhân;
- c) Trợ cấp sinh hoạt hàng tháng và ưu đãi khác đối với nghệ nhân đã được phong tặng danh hiệu vinh dự nhà nước.

2. Chính phủ ban hành chính sách đãi ngộ đối với nghệ nhân quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp nghệ nhân sau khi được phong tặng danh hiệu vinh dự nhà nước mà sau đó có cơ sở xác định không đủ tiêu chuẩn thì Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Chủ tịch nước quyết định rút danh hiệu.

#### **Điều 25. Nguyên tắc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể**

Việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

1. Nguyên tắc thực hành di sản văn hoá phi vật thể,
2. Nguyên tắc truyền dạy DSVHPVT,
3. Nguyên tắc kiểm kê DSVHPVT,
4. Nguyên tắc tiếp cận DSVHPVT,
5. Nguyên tắc tư liệu hoá DSVHPVT,
6. Nguyên tắc quảng bá và phát huy giá trị DSVHPVT,

**Chương IV****BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA VẬT THỂ****Mục 1.****DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA, DANH LAM THẮNG CẢNH****Điều 26. Tiêu chí xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh**

1. Di tích lịch sử - văn hóa phải có một trong các tiêu chí sau đây:

đ) Bổ sung quy định về "khu vực Đô thị mang những giá trị tiêu biểu đặc trưng về các khía cạnh lịch sử, văn hóa, nghệ thuật đối với dân cư địa phương, quốc gia, hoặc cộng đồng quốc tế"

**Điều 27. Xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh cấp tỉnh, quốc gia, quốc gia đặc biệt****Điều 28. Thẩm quyền quyết định xếp hạng di tích, hủy bỏ xếp hạng di tích**

Bổ sung quy định Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định trình tự, thủ tục, hồ sơ hủy bỏ xếp hạng di tích

**Điều 29. Thủ tục xếp hạng di tích****Điều 30. Quy định về các khu vực bảo vệ di tích**

1. Nghiên cứu sửa đổi khoản 4 về khu vực bảo vệ II của di tích để phù hợp với yêu cầu thực tiễn

2. Bổ sung quy định về điều chỉnh khoanh vùng bảo vệ di tích

**Điều 31. Khu vực bảo vệ đối tượng kiểm kê di tích****Điều 32. Tiếp nhận hiện vật vào di tích**

1. Bổ sung quy định về đối tượng, quy trình, thủ tục... tiếp nhận hiện vật vào di tích

2. Bổ sung quy định về nguyên tắc, quy trình, thủ tục... loại bỏ hiện vật ra khỏi di tích

**Điều 33. Trách nhiệm quản lý, sử dụng di tích, đối tượng kiểm kê di tích**

Bổ sung đối tượng kiểm kê di tích vào khoản 1 và khoản 2



**Điều 34. Quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, đối tượng kiểm kê di tích**

1. Bổ sung khoản 1: "Đối tượng kiểm kê di tích"
2. Bổ sung khoản 3 nội dung quy định: "*Bộ VHTTDL ban hành hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn, quy trình, định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích*"

**Điều 35. Thẩm định dự án cải tạo, xây dựng các công trình nằm ngoài các khu vực bảo vệ di tích**

1. Bổ sung quy định thế nào là dự án cải tạo, xây dựng các công trình nằm ngoài các khu vực bảo vệ di tích mà xét thấy có khả năng ảnh hưởng xấu đến cảnh quan thiên nhiên và môi trường - sinh thái của di tích
2. Bổ sung quy định giao Bộ trưởng Bộ VHTTDL quy định cụ thể trình tự, thủ tục thẩm định dự án cải tạo, xây dựng các công trình nằm ngoài các khu vực bảo vệ di tích

**Điều 36. Bảo vệ di tích khảo cổ**

**Điều 37. Cấp giấy phép thăm dò, khai quật khảo cổ và khai quật khẩn cấp**

1. Gộp Điều 38 và Điều 39 thành Điều 38
2. Sửa đổi quy định Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định về thăm dò, khai quật khảo cổ

**Điều 38. Điều kiện của tổ chức, cá nhân tham gia thăm dò, khai quật khảo cổ**

**Mục 2.**

**DI VẬT, CỔ VẬT, BẢO VẬT QUỐC GIA**

**Điều 39. Tiếp nhận, quản lý và bảo quản di vật, cổ vật được phát hiện, giao nộp**

Sửa đổi khoản 1, quy định giao cho cơ quan có thẩm quyền về văn hóa, thể thao và du lịch ở địa phương trách nhiệm tổ chức tiếp nhận, quản lý di vật, cổ vật thu được trong quá trình thăm dò, khai quật khảo cổ hoặc do tổ chức, cá nhân phát hiện, giao nộp và báo cáo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

**Điều 40. Bảo vật quốc gia**

Bổ quy định về đăng ký bảo vật quốc gia.

- Bổ sung quy định về thẩm quyền cấp Bằng chứng nhận bảo vật quốc gia sau khi được Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận (tương tự như quy định về việc cấp bằng xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt).

- Bổ sung quy định về thẩm quyền, **trình tự**, thủ tục, hồ sơ hủy bỏ quyết định công nhận bảo vật quốc gia (trong trường hợp đã có quyết định công nhận mà sau đó có đủ căn cứ xác định là không đủ tiêu chí hoặc bị hủy hoại không có khả năng phục hồi).

#### **Điều 41. Đăng ký di vật, cổ vật**

- Bổ sung quy định tại khoản 3 theo hướng tăng thêm quyền lợi cho tổ chức, cá nhân để khuyến khích đăng ký di vật, cổ vật với cơ quan có thẩm quyền về văn hóa, thể thao và du lịch.

- Sửa đổi khoản 4 để phù hợp với quy định hiện hành về thủ tục hành chính và điều kiện kinh doanh đối với cơ sở kinh doanh giám định cổ vật.

#### **Điều 42. Quản lý di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia**

Sửa đổi khoản 1, bỏ quy định cho phép mua bán, trao đổi, tặng cho và để thừa kế ở nước ngoài đối với di vật, cổ vật không thuộc sở hữu nhà nước, sở hữu của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (để tránh tình trạng “chảy máu” cổ vật và chống buôn bán trái phép di sản văn hóa theo Công ước 1970 của UNESCO).

#### **Điều 43. Đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở trong nước**

Chính phủ quy định chi tiết về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở trong nước.

#### **Điều 44. Đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản ở nước ngoài**

1. Bỏ hình thức “triển lãm” để tránh chồng chéo với quy định pháp luật về mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm; vừa thực hiện đúng nhiệm vụ chuyên môn của bảo tàng, vừa để di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia được giới thiệu tới công chúng tại địa điểm phải có sự bảo đảm về tính an toàn cao.

2. Sửa đổi khoản 1, chỉ quy định điều kiện “có bảo hiểm” (không bắt buộc bảo hiểm phải từ phía tiếp nhận chi trả) để phù hợp với một số trường hợp cấp thiết đối với việc bảo vệ và bảo quản di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia hoặc trường hợp đặc biệt theo yêu cầu hoạt động đối ngoại cấp Nhà nước.

3. Bổ sung điều kiện có thỏa thuận bằng văn bản từ phía tiếp nhận.

**Điều 45. Đưa di vật, cổ vật có nguồn gốc Việt Nam từ nước ngoài về nước**

Bổ sung quy định về trình tự, thủ tục, hồ sơ đưa di vật, cổ vật có nguồn gốc Việt Nam từ nước ngoài về nước (mua, hiến tặng, trao trả).

**Điều 46. Xử lý di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia tịch thu được do tìm kiếm, mua bán, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu trái phép**

Sửa đổi, bổ sung giao Chính phủ quy định chi tiết thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ xử lý di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia tịch thu được do tìm kiếm, mua bán, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu trái phép.

**Điều 47. Bản sao di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia**

*(Giữ nguyên)*

## CHƯƠNG V

### BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN TƯ LIỆU

**Điều 48. Loại hình di sản tư liệu**

1. Tài liệu văn bản
2. Tài liệu phi văn bản
3. Tài liệu điện tử/số

**Điều 49. Tiêu chí nhận diện di sản tư liệu**

1. Có tính đại diện, thông tin chứa đựng giá trị tiêu biểu, thể hiện bản sắc và có ý nghĩa đối với địa phương, quốc gia, khu vực và thế giới
2. Thể hiện tính xác thực
3. Tính độc đáo, toàn vẹn
4. Phương thức và mức độ tiếp cận
5. Được cơ quan, tổ chức, cộng đồng và cá nhân sở hữu di sản, tự nguyện đề cử và cam kết bảo vệ

**Điều 50. Danh mục di sản tư liệu**

1. Danh mục kiểm kê di sản tư liệu của tỉnh/thành phố
2. Danh mục quốc gia về di sản tư liệu.

**Điều 51. Quy trình kiểm kê, ghi danh di sản tư liệu**

1. Việc kiểm kê di sản tư liệu

2. Việc ghi vào Danh mục kiểm kê di sản tư liệu của tỉnh/thành phố
3. Việc ghi vào Danh mục quốc gia về di sản tư liệu
4. Thủ tướng Chính phủ quyết định việc đề nghị Ủy ban Chương trình Ký ức thế giới của UNESCO xem xét ghi danh di sản tư liệu tiêu biểu của Việt Nam vào Danh mục di sản tư liệu thế giới và khu vực châu Á – Thái Bình Dương.
5. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể Thao và Du lịch ban hành quy chế về hoạt động kiểm kê, bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu và quy định thủ tục lập hồ sơ khoa học về di sản tư liệu.

**Điều 52. Quy trình thay đổi quyền sở hữu, thu hồi và hủy bỏ quyết định ghi danh di sản tư liệu.**

1. Thay đổi quyền sở hữu
2. Thu hồi quyết định ghi danh đối với di sản tư liệu
3. Hủy bỏ quyết định ghi danh đối với di sản tư liệu

**Điều 53. Trách nhiệm quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu sau khi được ghi danh**

1. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân
2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân địa phương hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền về văn hóa, thể thao và du lịch
3. Trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
4. Cam kết chung về báo cáo, truyền thông, bản quyền và sở hữu trí tuệ di sản tư liệu sau khi được ghi vào Danh mục Di sản tư liệu quốc gia, khu vực và thế giới.

**Điều 54. Thẩm định dự án, đề án**

1. Xây dựng dự án, đề án di sản tư liệu
2. Thẩm quyền phê duyệt dự án bảo quản, phục hồi và phát huy giá trị di sản tư liệu

**Điều 55. Bản sao di sản tư liệu**

1. Có mục đích rõ ràng.
2. Có bản gốc để đối chiếu.
3. Có dấu hiệu riêng để phân biệt với bản gốc.
4. Có sự đồng ý của chủ sở hữu di sản tư liệu.

5. Có giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về văn hóa, thể thao và du lịch đối với di sản tư liệu quốc gia, khu vực và thế giới.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành quy định khoản 5 Điều này.

#### **Điều 56. Chính sách nhà nước về di sản tư liệu**

- Nhà nước có chính sách khuyến khích và tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động nghiên cứu, sưu tầm, xử lý biên mục, bảo quản, lưu giữ và phát huy giá trị di sản tư liệu của cộng đồng các dân tộc Việt Nam để lưu truyền trong nước và giao lưu văn hóa với nước ngoài.

- Nhà nước có chính sách bản quyền và sở hữu trí tuệ về các di sản tư liệu đã được kiểm kê và ghi danh; Việc khai thác và quảng bá thông tin về di sản tư liệu phải theo quy định của pháp luật.

## **Chương VI HOẠT ĐỘNG BẢO TÀNG**

#### **Điều 57. Phân loại bảo tàng**

1. Bổ sung tại điểm a khoản 2, quy định về tiêu chuẩn của bảo tàng quốc gia.

2. Bổ sung điểm d khoản 1, quy định cụ thể hơn về bảo tàng cấp tỉnh, để phù hợp với các bảo tàng tương đương ở địa phương.

#### **Điều 58. Nhiệm vụ của bảo tàng**

Bổ sung quy định về nhiệm vụ giáo dục và ứng dụng công nghệ.

#### **Điều 59. Điều kiện để thành lập bảo tàng công lập và cấp giấy phép bảo tàng ngoài công lập**

- Sửa đổi, bổ sung tách điều kiện cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập thành quy định riêng để phù hợp với tính đặc thù (sở hữu tư nhân) của loại bảo tàng này.

- Bổ sung quy định về thành lập hoặc cấp phép hoạt động đối với bảo tàng số để phù hợp với tính đặc thù và xu hướng phát triển của loại hình bảo tàng này.

#### **Điều 60. Thẩm quyền quyết định thành lập bảo tàng công lập và cấp giấy phép bảo tàng ngoài công lập**

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1, giao thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập cho cơ quan có thẩm quyền về văn hóa, thể thao và

du lịch ở địa phương (nhằm tăng cường phân cấp quản lý nhà nước về di sản văn hóa và đơn giản hóa thủ tục hành chính); bổ sung quy định thu hồi giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập; bổ sung quy định về chuyển nhượng quyền sở hữu đối với bảo tàng ngoài công lập.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2, quy định Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác nhận đủ điều kiện thành lập đối với bảo tàng cấp tỉnh (để bảo đảm thực hiện đúng quy hoạch về hệ thống bảo tàng và tránh chồng chéo về thủ tục hành chính ở địa phương).

### **Điều 61. Xếp hạng bảo tàng**

*(Giữ nguyên)*

### **Điều 62. Thẩm định dự án về bảo tàng**

- Giao Chính phủ quy định chi tiết về thẩm quyền thẩm định và trình tự, thủ tục, hồ sơ đối với các dự án xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình; dự án trung bày nội thất, ngoài trời; dự án chỉnh lý tổng thể nội dung, hình thức trưng bày bảo tàng.

- Giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn, quy trình, định mức kinh tế - kỹ thuật trong hoạt động bảo tàng.

**Điều 63. Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa có trong nhà truyền thống, nhà lưu niệm**

*(Giữ nguyên)*

**Điều 64. Nghiên cứu, trưng bày, giới thiệu sưu tập, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc sở hữu tư nhân**

*(Giữ nguyên)*

## **Chương VII**

### **QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DI SẢN VĂN HÓA**

#### **Mục 1.**

#### **NỘI DUNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DI SẢN VĂN HÓA**

**Điều 65. Nội dung quản lý nhà nước về di sản văn hóa**

## **Điều 66. Trách nhiệm quản lý nhà nước về di sản văn hóa của Chính phủ**

1. Bổ sung trách nhiệm của Chính phủ trong việc quy định phân cấp quản lý di sản văn hóa của Bộ, ngành, địa phương
2. Quy định về việc Chính phủ ban hành Nghị định quy định về bảo vệ và quản lý Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới; di sản văn hóa PVT; di sản tư liệu
3. Quy định về việc Chính phủ ban hành Nghị định quy định về bảo vệ và quản lý di sản văn hóa PVT được UNESCO ghi danh
4. Quy định về việc Chính phủ ban hành Nghị định quy định về Di sản tư liệu khu vực và thế giới
5. Chính phủ quy định chi tiết về “chế độ đặc biệt” đối với việc bảo vệ và bảo quản bảo vật quốc gia

## **Điều 67. Nội dung và trách nhiệm của Bộ VHTTDL**

1. Đầu mối quản lý nhà nước về di sản văn hóa
2. Ban hành, thu hồi, hủy bỏ Quyết định ghi vào Danh mục quốc gia về DSTL.
3. Ứng dụng khoa học công nghệ trong việc chuyển đổi số và xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa

## **Điều 68. Nội dung và trách nhiệm của các bộ, ngành**

1. Quy định việc thành lập ban quản lý di tích trực thuộc Bộ, ngành
2. Trách nhiệm của Bộ Nội vụ
3. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch đầu tư
4. Trách nhiệm của Bộ Khoa học công nghệ
5. Trách nhiệm của Bộ Thông tin truyền thông
6. Trách nhiệm của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng
7. Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao
8. Trách nhiệm của Bộ Tài chính
9. Trách nhiệm của Bộ Xây dựng

## **Điều 69. Nội dung và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

1. Quy định việc thành lập ban quản lý di tích trên địa bàn của UBND cấp tỉnh

2. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ của tổ chức được giao quản lý di tích

3. Chỉ đạo việc tổ chức kiểm kê, lập hồ sơ khoa học, quyết định ghi danh ***những loại hình*** di sản văn hóa ***phù hợp*** ở địa phương để bảo vệ và phát huy giá trị.

4. Rà soát, kiểm tra, thanh tra để khen thưởng, xử lý vi phạm hoặc thu hồi, hủy bỏ các quyết định theo phân cấp trên địa phương quản lý.

5. Ban hành Kế hoạch bảo vệ di sản văn hóa; phê duyệt, cấp kinh phí thực hiện, tổ chức thực hiện, quản lý các đề án, dự án; xây dựng các báo cáo bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa ở địa bàn tỉnh

#### **Điều 70. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân**

#### **Điều 71. Hội đồng di sản văn hóa quốc gia**

Sửa Khoản 2 theo hướng, Thủ tướng Chính phủ ***quyết định phê duyệt danh sách***, quy định tổ chức và hoạt động của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia theo từng nhiệm kỳ

### **Mục 2.**

#### **NGUỒN LỰC CHO CÁC HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA**

#### **Điều 72. Nhà nước khuyến khích hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa**

1. Quy định xã hội hóa trong hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di tích:

a) Phạm vi, nguyên tắc, quyền hạn... các tổ chức, cá nhân tham gia xã hội hóa trong hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di tích

b) Quy định khuyến khích tài trợ trong công tác tu bổ di tích

c) Quy định về việc hỗ trợ cộng đồng địa phương tại địa bàn có di tích

2. Quy định xã hội hóa trong hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị DSVHPVT:

3. Quy định xã hội hóa trong hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu:

4. Nhà nước có chính sách ưu đãi để khuyến khích tổ chức, cá nhân mang di vật, cổ vật có nguồn gốc từ Việt Nam về nước.



**Điều 73. Nguồn tài chính bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa**  
(Giữ nguyên)

**Điều 74. Đầu tư ngân sách Nhà nước cho động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa**

Nhà nước ưu tiên đầu tư ngân sách cho các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di tích quốc gia đặc biệt, bảo tàng quốc gia, bảo vật quốc gia, di tích lịch sử cách mạng và di sản văn hóa phi vật thể có giá trị

**Điều 75. Quỹ bảo vệ di sản văn hóa**

1. Quy định thành lập Quỹ bảo vệ di sản văn hóa
2. Quy định cụ thể nội dung Quỹ
3. Quy định hình thức tổ chức, hoạt động... của Quỹ

**Điều 76. Tổ chức, cá nhân thu phí tham quan và lệ phí sử dụng di tích**

**Điều 77. Đóng góp, tài trợ của tổ chức, cá nhân cho việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa**

**Điều 78. Quản lý, sử dụng nguồn tài chính cho việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa**

### **Mục 3.**

#### **HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ DI SẢN VĂN HÓA**

**Điều 79. Nguyên tắc hợp tác quốc tế trong bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa**

Xem xét sửa thành... góp phần bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trên thế giới...

**Điều 80. Khuyến khích tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa**

**Điều 81. Nội dung hợp tác quốc tế về di sản văn hóa**

Khoản 3 sửa như sau: 3. Nghiên cứu khoa học, ứng dụng khoa học về chuyển đổi số và chuyển giao công nghệ hiện đại trong hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa

Khoản 4 bổ sung quy định về "trao đổi các cuộc triển lãm trưng bày, giới thiệu về di sản văn hóa"

Bổ sung quy định về trình diễn

Khoản 5 sửa như sau: 5. Hợp tác trong lĩnh vực về chính sách bản quyền, sở hữu trí tuệ và bảo hộ di sản văn hóa của Việt Nam ở nước ngoài.

#### **Mục 4.**

### **THANH TRA VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VỀ DI SẢN VĂN HÓA**

**Điều 82. Nhiệm vụ của Thanh tra nhà nước về văn hóa, thể thao và du lịch**

Cụ thể hóa hơn nữa nội dung quy định về công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm soát việc thực thi các quy định của Luật Di sản văn hóa và văn bản hướng dẫn thi hành.

**Điều 83. Quyền và nghĩa vụ của đối tượng thanh tra**

**Điều 84. Khiếu nại, tố cáo**

#### **Chương VIII**

### **KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

**Điều 85. Khen thưởng**

**Điều 86. Xử lý vi phạm**

*Gộp Điều 70, 71 và Điều 72*

#### **Chương IX**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 87. Hiệu lực thi hành**

Luật này có hiệu lực từ ngày tháng năm 202.

Những quy định trước đây trái với Luật này đều bãi bỏ.

**Điều 88. Tổ chức thực hiện**

Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật này./

**CHỦ TỊCH QUỐC HỘI**

